

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày: 06- 6-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Tàu;

Ông Lê Văn Tuyển.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thùy Trân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phương Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2018/TLST-DS ngày 25/12/2018 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-DS ngày 26/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C;

Địa chỉ: Tòa nhà C, Bán đảo L, H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ngọc C - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng C theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2019; có mặt.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Kim Q, sinh năm 1981;

Cư trú tại: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

Phan Thị N, sinh năm 1983;

Cư trú tại: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/11/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 24/3/2014, hộ gia đình ông Nguyễn Kim Q có vay Chương trình hộ cận nghèo số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay là chăn nuôi bò, lãi suất 0,78%/tháng, lãi suất quá hạn bằng

130% (1,014%), thời hạn vay là 36 tháng (thời hạn trả nợ là ngày 17/4/2017), có gia hạn đến tháng 8/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q có trả số tiền lãi 6.580.295 đồng. Khi đến thời hạn trả nợ thì hộ gia đình ông Q, bà N không trả tiền gốc và lãi còn lại nên đến ngày 18/8/2018 chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 04/4/2019, hộ gia đình còn nợ số tiền gốc là 20.000.000 đồng, lãi 3.292.300 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q, bà N phải trả số tiền nói trên.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền gốc 20.000.000 đồng, lãi trong hạn và quá hạn là 3.712.347 đồng. Bị đơn bà N thừa nhận bà và ông Q có vay của Ngân hàng số tiền gốc nói trên và chưa trả, còn tiền lãi thì bà không rõ bao nhiêu vì do ông Q trả nợ bà không biết. Nay Ngân hàng yêu cầu trả nợ thì bà yêu cầu có mặt ông Q để giải quyết, bà không thể trả số nợ nói trên.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định; bị đơn không có mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Trong thời kỳ hôn nhân, bị đơn ông Q, bà N có vay của Ngân hàng C 20.000.000 đồng. Đây là khoản nợ chung nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Q và bà N có trách nhiệm trả khoản nợ 23.712.347 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Nguyễn Kim Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của ông Nguyễn Kim Q ngày 15/3/2014 thì ông Q, bà N có đề nghị vay số tiền 20.000.000 đồng và được Ngân hàng C chấp nhận cho vay ngày 24/3/2014, lãi suất 0,78%/tháng, lãi suất quá hạn 1,014%/tháng, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là chăn nuôi bò. Do đó, xác định đây là Hợp đồng vay tài sản đúng theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Sau khi vay, bị đơn ông Q có trả lãi trong hạn số tiền 6.580.295 đồng, còn lại số tiền lãi trong hạn 1.765.467 đồng chưa trả. Khi đến hạn trả nợ, ông Q, bà N không trả nợ gốc và lãi nên tính đến ngày xét xử, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 23.712.347 đồng (trong đó gốc 20.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.765.467 đồng và lãi

quá hạn là 1.946.880 đồng). Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền nợ nói trên là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị đơn bà N cho rằng bà và ông Q đã ly hôn và yêu cầu phải có mặt ông Q để giải quyết. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân được bà N thừa nhận tại phiên tòa. Khi ly hôn, bà N không khai khoản nợ này để Tòa án giải quyết và Ngân hàng cũng không biết việc ly hôn của hai người. Bị đơn bà N cũng không chứng minh được giữa bà và ông Q có thỏa thuận khác về việc trả nợ. Do đó, nay Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ nói trên là đúng quy định tại Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Kim Q và bà Phan Thị N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng C số tiền 23.712.347 (Hai mươi ba triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm bốn mươi bảy) đồng, (trong đó gốc là 20.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1.765.467 đồng và lãi quá hạn là 1.946.880 đồng). Cụ thể: ông Q và bà N mỗi người phải trả 11.856.174 (Mười một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (Không quá 150% lãi suất trong hạn).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Kim Q và bà Phan Thị N mỗi người phải chịu 593.000 (Năm trăm chín mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn bà N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa